

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2022
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà.
2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký TAND Tp. Sa Đéc

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa:**

Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân **thành phố S**, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/HNGĐ-ST ngày 23/02/2022 về việc “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp T, xã Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa: Chị L có mặt. Anh T có văn bản đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và Anh T quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 18 tháng thì tổ chức đám cưới vào tháng 6/2018, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố S.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình Anh T. Đến tháng 10/2018, vợ chồng xây nhà ở riêng tại xã Q, thành phố S. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc; đến cuối năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình nên thường xuyên cự cãi với nhau. Đồng thời, Anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con mà lại thường xuyên nhậu rồi kiếm chuyện gây gỗ và dùng những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm Chị L. Chị L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng Anh T không sửa đổi. Đến tháng 9/2020, Anh T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, lâu lâu có đến thăm con một lần.

Do mâu thuẫn vợ chồng nên vào tháng 12/2020, Chị L đã nộp đơn xin ly hôn nhưng Anh T năn nỉ, hứa sửa đổi để vợ chồng hàn gắn tiếp tục chung sống và cùng nhau nuôi dạy con. Cho nên, Chị L đã rút lại đơn khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Từ đó đến nay, vợ chồng vẫn thường xuyên gây gỗ, cự cãi, không thể thuận hòa với nhau nên đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị L nhận thấy không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với Anh T. Vì vậy, chị L yêu cầu ly hôn Anh T.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Đỗ Nguyễn Lan T1, sinh ngày 24/02/2019; hiện con đang sống với Chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Chị L và Anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L xác định không có nên không yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đỗ Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, Anh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp và hòa giải nhưng có văn bản ghi ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn Chị L.

- Về con chung: Có 01 người con tên Đỗ Nguyễn Lan T1, sinh ngày 24/02/2019. Nếu ly hôn, Anh T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu Chị L cấp dưỡng. Trường hợp, giao con cho Chị L thì Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Anh T và Chị L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Đỗ Hữu T. Chị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đỗ Nguyễn Lan T1, sinh ngày 24/02/2019; hiện con đang sống với Chị L. Chị L không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), giải quyết theo quy định của pháp luật (có bài phát biểu kiểm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn bị đơn và giành quyền nuôi con chung. Bị đơn có nơi cư trú tại số nhà khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hôn nhân và gia đình về Ly hôn”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, bị đơn - anh Đỗ Hữu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu ly hôn anh Đỗ Hữu T và giành quyền nuôi con chung, HĐXX nhận định như sau:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1]. Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Đỗ Hữu T quen biết, tìm hiểu nhau, tự nguyện chung sống vợ chồng từ tháng 6/2018, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 05/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Chị L và Anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2]. Thời kỳ hôn nhân, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; Anh T không có sự quan tâm, chia sẻ với Chị L. Vợ chồng thường xuyên gây gổ ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân, bản thân Chị L cũng không còn tình cảm nên không thể hàn gắn, tiếp tục chung sống vợ chồng với Anh T. Vì vậy, Chị L yêu cầu ly hôn Anh T.

[2.1.3]. Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được... ”.

[2.1.4]. Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Anh T không đến Tòa án để hòa giải nhưng có văn bản ghi ý kiến đồng ý ly hôn Chị L.

[2.1.5]. Trên cơ sở đó, HĐXX công nhận sự tự nguyện ly hôn của đương sự.

[2.2]. Về con chung:

[2.2.1]. Thời kỳ hôn nhân, Chị L và Anh T chung sống có 01 người con chung tên Đỗ Nguyễn Lan T1, sinh ngày 24/02/2019; hiện con đang sống với Chị L. Khi ly hôn, Chị L yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.2.2]. Anh T có ý kiến: Nếu ly hôn, Anh T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu Chị L cấp dưỡng. Trường hợp, giao con cho Chị L thì anh T không cấp dưỡng nuôi con.

[2.2.3]. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...2. *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...* ”.

Nhận thấy hiện nay, cháu T1 còn quá nhỏ và đang được Chị L nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Chị L cũng có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi con. Cho nên, nếu giao con cho Chị L nuôi dưỡng thì cũng đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu được nuôi con chung của Chị L là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[2.2.4]. Chị L không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị L và Anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Không có.

[3]. Qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Đỗ Hữu T.

- Về nuôi con chung sau khi ly hôn:

+ Chị Nguyễn Thị Kim L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đỗ Nguyễn Lan T1, sinh ngày 24/02/2019; hiện con đang sống với Chị L. Chị Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu anh Đỗ Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

+ Anh Đỗ Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con; không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Kim L chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, Chị L đã nộp theo biên lai số 0000600 ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Sa Đéc;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THA dân sự Tp. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Phạm Hoàng Anh